

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

VỀ Ý NGHĨA ĐẶC TRƯNG CỦA TÍNH TỪ

ON THE FEATURE MEANING OF ADJECTIVES

PHẠM HỒNG HẢI

(ThS-NCS; ĐH KHXH & NV, ĐHQG TP HCM)

Abstract: The feature meaning is the universal property of adjectives. This is distinctive feature of adjectives in comparison with other word classes. The functioning of adjectives is complex and diversifying in languages, even in one language. It causes contradictions in identifying correctly the nature of this word class. The feature meaning of adjectives has been discussed much until now but it hasn't been explained outrightly as distinct from other word classes. For this reason, this article focused on analyzing the feature meaning of adjectives, comparing Vietnamese adjectives with English adjectives in terms of the feature meaning to identify correctly the nature of adjectives in general and Vietnamese adjectives in particular.

Key words: adjectives; the feature meaning.

1. Dẫn nhập

Thể hiện đặc trưng là đặc tính phổ quát của tính từ. Đây là đặc tính điển hình để khu biệt tính từ với các từ loại khác. Nhưng khả năng hành chức của tính từ rất phức tạp, đa dạng trong các ngôn ngữ, cũng như ngay trong một ngôn ngữ, gây nên những mâu thuẫn trong việc nhận diện chính xác từ loại này. Ý nghĩa đặc trưng của tính từ cũng đã được các tác giả trực tiếp hoặc gián tiếp bàn đến, nhưng hầu như chưa tác giả nào lý giải cặn kẽ, triệt để đặc tính bản chất này của tính từ trong sự khu biệt rõ ràng với các từ loại khác. Trương Văn Chính và Nguyễn Hiến Lê có bàn đến 'động từ', 'tính từ' như là hai tiểu nhóm của một nhóm lớn hơn (ông gọi là "trạng từ") nhưng chưa khu biệt được hai từ loại này. Cao Xuân Hạo đã dùng tiêu chí [+động], [-động] để phân định từ loại, và ông đã khu biệt tính từ với tư cách là một tiểu loại của vị từ. Đinh Văn Đức bàn khá kỹ về ý nghĩa đặc trưng của tính từ, trong đó nêu ra một luận điểm rất quan trọng "nói một cách tổng quát, tính từ là từ loại chỉ đặc trưng của tất cả những khái niệm được biểu đạt bằng danh từ và động từ" [1, tr.157]. Nhưng ông vẫn nhầm lẫn giữa các phương diện và không triệt để phân biệt tính từ và động từ. Givón [1984] đã phân loại các từ loại cơ bản dựa trên mức độ ổn định về thời gian và cách phân tích của ông đã gợi mở ra những kiến giải rất có giá trị đối với tính từ tiếng Việt.

Sau đây, chúng tôi xin bàn sâu về quan điểm của Givón để góp phần lý giải về ý nghĩa đặc trưng của tính từ, so sánh tính từ tiếng Việt và tiếng Anh ở phương diện ý nghĩa đặc trưng để xác định rõ hơn bản chất của tính từ nói chung, tính từ tiếng Việt nói riêng.

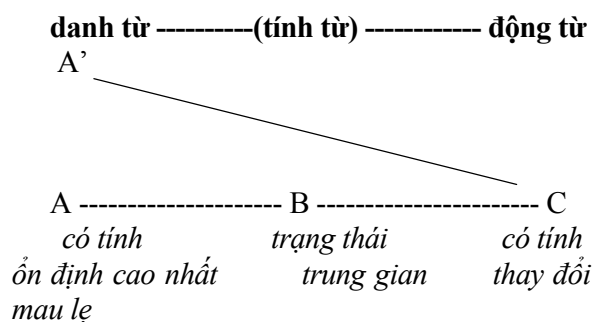
2. Về ý nghĩa đặc trưng của tính từ

Một số tác giả thuộc trường phái Ngữ pháp tư biện (speculative) ở châu Âu khoảng nửa sau thế kỷ VIII đã phân loại các từ loại cơ bản dựa trên mức độ ổn định về thời gian (time-stability scale), nghĩa là dựa vào đặc tính của đối tượng (động hay tĩnh, biến đổi nhanh hay chậm, v.v.) mà đối tượng phản ánh. Đây là cách phân loại rất đáng chú ý, mà một số nhà ngôn ngữ học ở giai đoạn sau đã kế thừa và thực hiện phân định từ loại khá thuyết phục, như Erfurt, Givón,...

Chúng tôi sẽ dựa trên quan điểm của Givón để làm rõ về việc phân chia từ loại và qua đó lý giải về ý nghĩa đặc trưng của tính từ, mối liên hệ của tính từ với từ loại danh từ và động từ.

Trong công trình *Syntax: A functional-typological Introduction*, Vol 1 [7] Givón đã dành một phần, từ trang 51 – 56, để biện giải về bản chất từ loại. Xét một cách tương đối, có thể nhận diện các từ loại trên một thang độ nghĩa dựa trên mức ổn định, bền vững về thời gian của chúng.

Thang độ nghĩa dựa trên mức độ ổn định về thời gian được tóm tắt như sau:



Đường thẳng (A - C) cho thấy mức độ ổn định, bền vững về thời gian từ bền vững nhất đến biến đổi mau lẹ nhất của sự vật - hiện tượng - quá trình- hành động.

Điểm (A) là cực [tĩnh] mà chứa các từ có mức độ ổn định, bền vững nhất về thời gian. Điểm (C) là cực [động] chứa các từ có mức độ ổn định bền vững về thời gian thấp nhất. Điểm (B) là điểm giữa-điểm trung tính- điểm ít bị ảnh hưởng nhất bởi 2 cực.

Đường thẳng (A' - C) thể hiện mức độ bền vững về thời gian giảm dần (ít biến đổi - biến đổi nhiều).

Sự phân cực như thang độ nghĩa ở trên chỉ có tính tương đối, cũng như *động* và *tĩnh* là những khái niệm tương đối. Ở phương diện triết học, thì mọi sự vật, hiện tượng luôn vận động, biến đổi không ngừng. *Đứng im* cũng chỉ là một phạm trù triết học - tạm cô lập lại, vì mục đích nghiên cứu. Trong phần tiếp theo, chúng tôi bàn qua về động từ và tính từ để làm rõ tầm quan trọng của tiêu chí nghĩa trong việc nhận diện từ loại.

Về động từ, Givón cho rằng ở đầu cực kia (C) trên một chiều kích thời gian của thể giới hiện tượng, người ta thấy những hiện tượng 'thay đổi mau lẹ (rapid changes) trong phạm vi rộng. Đây chính là những sự việc hay hành động diễn hình (động nhất), mà ngôn ngữ có xu hướng từ vựng thành những động từ - những từ trừu tượng hơn danh từ, nhưng vẫn nằm trên một thang độ nghĩa. Trên thang độ nghĩa, tại vùng chứa những động từ diễn hình, thì mức độ cũng khác nhau. Chẳng hạn, *break* (bẻ gãy, đập vỡ) thì cụ thể hơn *grieve* (đau lòng, làm đau lòng), *grieve* cụ thể hơn *speculate* (suy đoán, tư biện). Như vậy, mức độ động của những động từ có thể

cảm nhận được theo mức độ biến đổi tăng dần (*speculate* - *grieve* - *break*).

Givón cũng dẫn chứng rõ thêm trong phạm trù động từ, các thành viên của nó cũng được phân loại theo mức độ ổn định của thời gian. Do đó, *hit* (đánh, đâm), *shoot* (chạy qua, vọt tới), *kick* (đá, sút) là những động từ chỉ một sự thay đổi rất nhanh. *Sing* (hát), *work* (làm việc), *eat* (ăn), *read* (đọc) chỉ một tiến trình thay đổi chậm hơn được đặc tính hóa thành những động từ chỉ hoạt động, quá trình (activity/process verbs). Cuối cùng, *know* (biết), *understand* (hiểu), *like* (thích) có xu hướng thể hiện một sự tĩnh lâu bền, mã hóa cho những động từ chỉ sự bất biến hoặc biến đổi chậm [7, tr.52].

Việc xác định động từ trên cùng một chiều kích thời gian với danh từ đã khẳng định thuộc tính bản chất động của động từ. Các sự vật, hiện tượng, quá trình, hành động đều động ở những mức độ khác nhau. Mức độ động hóa của nó tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh, và được hình thức hóa khác nhau trong các ngôn ngữ. Đây là cơ sở cho kết luận rằng: từ vựng trong nhiều ngôn ngữ đều có thể được dùng như động từ ở những mức độ khác nhau. Chúng tôi thống kê trong 3000 từ cơ bản (*the Oxford 3000*) [8] được chọn lọc từ *British National Corpus and the Oxford corpus collection*, được khoảng 380 từ vừa là danh từ vừa là động từ, và có cả hiện tượng một số từ (số lượng không đáng kể) đồng thời là danh từ, động từ, tính từ. Điều này góp phần cho thấy sự đan xen của các từ loại trên một thang độ nghĩa, ngay cả đối với 2 từ loại vẫn được cho là có sự khu biệt khá rõ ràng như danh từ và động từ.

Đối với tính từ, Givón đã chú trọng phân tích kỹ hơn. Tác giả cho rằng các lớp danh từ và động từ - mà thể hiện ở hai cực điển hình trên thang độ nghĩa được thừa nhận trong từ vựng của các ngôn ngữ nhưng lớp tính từ thì vẫn còn nhiều vấn đề phải bàn. Givón đã xem xét, tìm hiểu nhóm tính từ gốc (original) và những tính từ nằm ở các vùng giao thoa trên thang độ nghĩa và một số tính từ có nguồn gốc phái sinh để làm rõ tính chất trung gian của từ loại này. Cũng trong *The Oxford 3000*, trong 3000 từ được chọn lọc, chúng tôi thống kê được khoảng 100 từ vừa là

danh từ vừa là tính từ, trong khi số lượng từ vừa là động từ vừa là tính từ có số lượng không đáng kể. Điều này phần nào cho thấy: tại những vùng giao thoa trên thang độ nghĩa, xu hướng cố định hóa cũng giảm dần. Đối với những tính từ có nguồn gốc phái sinh, chẳng hạn trong tiếng Anh, một số từ phái sinh khá ổn định xét trên phương diện giao thoa ngôn ngữ.

Sự phổ biến về xu hướng phái sinh tính từ từ động từ và danh từ trong tiếng Anh, đã phần nào cho thấy bản chất đặc trưng hóa từ danh từ và động từ của tính từ; tính từ gần gũi với động từ hơn vì nó có xu hướng nằm đan xen, trùng hợp với động từ trên thang độ nghĩa.

Quan sát trên thang độ nghĩa, ta chỉ thấy các sự vật, hiện tượng, quá trình, tình trạng, hành động và sự vận động và biến đổi không ngừng của chúng trên các chiều kích thời gian: từ cố định nhiều đến ít cố định, từ biến đổi chậm đến biến đổi nhanh. Các sự vật, hiện tượng, quá trình, tình trạng, hành động được dán nhãn là danh từ hay động từ, và thật ra không có vị trí nào để dán nhãn cho cái gọi là tính từ. Đây quả là một bất ngờ thú vị. Ngay tại điểm trung gian (B) - mà Givón cho là vị trí của tính từ - thật ra, nó chỉ là điểm ít bị ảnh hưởng mạnh nhất bởi 2 cực, một điểm bình thường như các điểm khác trên thang độ nghĩa giảm dần. Chỉ có thể lý giải là: càng ở gần đầu cực (A) (tĩnh) thì những sự vật, hiện tượng, quá trình, tình trạng, hành động có xu hướng được dán nhãn danh từ, và càng gần cực (C) (động), thì chúng có xu hướng được dán nhãn động từ, còn ở điểm trung gian, ta không biết dán nhãn cho nó là danh hay động. Điểm trung gian này là vùng chứa những từ có cả đặc điểm của động từ và danh từ. Nói cách khác, nó chứa những từ mang đặc trưng điển hình nhất của cả động từ và danh từ. Nếu dán nhãn cho những từ ở điểm trung gian này là tính từ, thì hệ quả là càng tiến về cực (A) (tĩnh) thì nó càng mang đặc trưng của danh từ, càng tiến về cực (B) (động) thì nó vẫn mang đặc trưng của tính từ nhưng đặc trưng đó giảm dần đi. Như vậy, có thể kết luận rằng: việc khái quát các sự vật, hiện tượng, quá trình, tình trạng, hành động trong thế giới thành những phạm trù từ loại rồi dán nhãn cho nó là danh từ, động từ, tính từ là

một việc làm mang tính tương đối. Rõ ràng, việc dán nhãn cho danh từ, động từ tỏ ra có lí hơn, trong khi dán nhãn cho tính từ là điều khá khiên cưỡng. Cái gọi là tính từ thật ra không chính danh, vì nó chỉ là những từ đặc trưng cho cả danh từ và động từ. Nói chính xác hơn: nó chính là danh từ và động từ được dùng ở phương diện đặc trưng.

Danh từ và động từ là hai từ loại mang tính phổ quát, đan xen trên thang độ nghĩa. Tính từ không tồn tại trên thang độ nghĩa, nó chỉ là đặc trưng cho các sự vật, hiện tượng, quá trình, tình trạng, hành động và được mỗi ngôn ngữ hình thái hóa một cách khác nhau trong từ vựng. Nếu coi trạng từ là một từ loại, thì nó có thể có mặt trong một số ngôn ngữ này, có thể vắng mặt trong một số ngôn ngữ khác.

3. Đặc trưng của tính từ trong tiếng Việt và tiếng Anh

3.1. Đặc trưng của tính từ trong tiếng Việt

Đinh Văn Đức đã có những khái quát có giá trị, phát hiện được bản chất của tính từ tiếng Việt trong mối liên hệ với danh từ, động từ. Về đặc trưng của tính từ, ông cho rằng: “*nói một cách tổng quát, tính từ là từ loại chỉ đặc trưng của tất cả những khái niệm được biểu đạt bằng danh từ và động từ*” [1, tr.157]. Trong tiếng Việt – một ngôn ngữ không biến hình tiêu biểu, hiện tượng danh từ dùng như tính từ (*phong cách sinh viên; tầng lớp trí thức...*), động từ dùng như tính từ (*Cửa biểu là cửa lo, cửa cho là cửa nợ*) là phổ biến.

Về bản chất, tính từ là từ loại chỉ đặc trưng của tất cả các khái niệm được biểu đạt bằng danh từ và động từ. Trong tiếng Việt, từ thực tế sử dụng, từ sự không phân biệt về mặt hình thái của từ loại, có thể kết luận rõ ràng: tính từ chỉ tồn tại trên phương diện đặc trưng, và trùng hợp về hình thái với danh từ và động từ. Ở phương diện thể hiện sự tình, thì chỉ tồn tại vị từ (trong đó, cái gọi là động từ và tính từ là những vị từ điển hình). Cao Xuân Hạo đã rất thuyết phục khi dùng tiêu chí nghĩa, tiêu chí diễn trị để phân định cái gọi là tính từ vào một tiểu loại (trong nhóm vị từ trạng thái) của vị từ. Trong luận văn về “Cấu trúc tham tổ của tính từ tiếng Việt” [2] chúng tôi đã góp phần chứng minh: ở phương

diện thể hiện sự tĩnh, tập hợp tính từ hoạt động như một tiểu loại của vị từ cả trên bình diện ngữ nghĩa và cú pháp. Lê Kính Thắng (2009) lần đầu tiên đã xác lập khá triệt để phạm trù nội động và ngoại động trong tiếng Việt, và trên cơ sở này, tác giả đã làm rõ khả năng kết hợp của các tiểu loại vị từ (có chứa tập hợp tính từ) với các tiêu chí khác nhau, đặc biệt là tiêu chí cú pháp [6]. Vì vậy, khi phân biệt rõ các phương diện (đặc trưng và thể hiện sự tĩnh) thì sự nhầm lẫn về mặt từ loại sẽ không còn nữa. Chúng tôi cho rằng kết luận này không xóa nhòa ranh giới từ loại, mà nó khu biệt rõ ranh giới từ loại, và khẳng định một sự thật đúng đắn là muốn xác định từ loại phải xuất phát từ sự hành chức của từ.

Trở lại với quan điểm của Đinh Văn Đức, khi bàn về tính động và tĩnh của tính từ tiếng Việt, ông cho rằng: “*Nhưng cũng có thể đặt vấn đề khác đi: thực ra cũng không có sự đối lập giữa 2 sắc thái “tĩnh” và “động” ở tính từ. Tính từ chỉ đặc trưng, nhưng bất cứ đặc trưng nào cũng động chứ không tĩnh*” [1, tr.160]. Kết luận này của tác giả gợi ra nhiều điều cần phải nghiên cứu thêm. Nhưng khi lý giải rằng: “*Đặc trưng gắn với diễn tiến (tiến trình) vì vậy tính từ có ý nghĩa ngữ pháp thời - thể, có các chỉ tố ngữ pháp thời thể, có thể làm vị ngữ trong câu*” và “*Tính từ, trong khi chỉ đặc trưng, và không có hình thái ngữ pháp riêng, đã có quan hệ thông báo với chủ thể (cũng là một loại quan hệ đặc trưng) giống như động từ*”. [1, tr.155], có lẽ tác giả đã nhầm lẫn giữa các phương diện, và hệ quả là khó có thể minh xác được động từ và tính từ. Có thể diễn đạt rõ là: tính từ là đặc trưng của tất cả các sự vật, hiện tượng, quá trình, tình trạng, hành động nên nó luôn luôn ‘động’. Những ví dụ dưới đây cho thấy đặc trưng, sự trùng hợp về hình thái với động từ của tính từ:

Hiệu ứng nhà kính (đặc trưng của thực thể)

Xe này có ghế nằm. (đặc trưng của vị từ chỉ tư thế)

Triệu chứng ho (đặc trưng cho vị từ chỉ quá trình)

Điểm đến (đặc trưng cho vị từ chỉ hành động)

Tóm lại, tính từ tiếng Việt có 2 đặc điểm lớn nhất là đặc trưng của những khái niệm được biểu đạt bằng danh từ và động từ (nét phổ quát) và

không được hình thái hóa (nét đặc thù). Hai đặc điểm quan trọng này tạo khả năng tính từ hóa cho nhiều đơn vị ngôn ngữ (từ, ngữ, câu), tạo khả năng tiếp tục phái sinh số lượng từ không giới hạn mà không bị ràng buộc về hình thái. Chúng ta thường xuyên bắt gặp những tính từ (tiếng Việt) có kết cấu như:

Tính + danh: *xanh mắt, xơ gan, đẹp lòng, to xác, xấu bụng, vô lối,...*

Tính + động: *vô sinh, ưa nhìn, tỉnh ngủ, nghệt thở, khó gặm, dễ coi,...*

Tính + tính: *tà gian, cuồng dâm, yếu kém, yên lặng, xẹp lép, xinh tươi,...*

Chủ + vị: *nhân tạo, gia truyền, búa bổ, cáo già, gà mờ, thiên phú,...*

Trong những tính từ có kết cấu như trên, một số lượng lớn được phái sinh từ sự cố định hóa, thành ngữ hóa từ các từ, ngữ, câu. Trong từ điển Hoàng Phê (2006) [5], chúng tôi thống kê được khoảng 780 tính từ có kết cấu (tính + danh), khoảng 1100 tính từ đẳng lập (tính + tính), khoảng 2500 tính từ (láy), khoảng 500 tính từ có yếu tố sau chỉ mức độ, sắc thái hóa.

3.2. Đặc trưng của tính từ trong tiếng Anh

Nếu như trên phương diện đặc trưng, tính từ tiếng Việt trùng lặp về hình thái với danh từ, động từ, thì tính từ tiếng Anh có sự khu biệt rõ ràng về hình thái với hai từ loại này. Cũng vì vậy, trong tiếng Anh, danh từ, động từ, một ngữ, một câu mà dùng như tính từ thì thường được quy định về hình thức, hình thái.

Như đã phân tích ở trên, thực chất, tính từ không tồn tại trên thang độ nghĩa mà nó chỉ là đặc trưng cho những khái niệm được biểu đạt bằng danh từ và động từ. Sự hình thái hóa của tính từ tiếng Anh dễ tạo cảm nhận nó là một từ loại hoàn toàn riêng biệt với danh từ, động từ. Nhưng, việc có không ít từ trong tiếng Anh vừa là danh từ vừa là tính từ và cả những hiện tượng vừa là động từ vừa là tính từ, cùng sự linh hoạt trong việc biến đổi hình thái của danh từ, động từ để dùng như tính từ, phái sinh tính từ cho thấy mối liên hệ mật thiết của ba từ loại này. Liệu có thể đặt một giả thiết rằng: khởi thủy, ở phương diện đặc trưng, tính từ tiếng Anh cũng có hình thái như danh từ, động từ. Nhưng trong quá trình phát triển của ngôn ngữ, vì nhiều lý do (chẳng

hạn, sự phân biệt về hình thái, sự quy ước về chức năng trong câu làm cho tính từ và động từ trong tiếng Anh không bị nhầm lẫn với nhau như tính từ và động từ trong tiếng Việt) nó đã tự hoàn thiện theo cách riêng để có hình thái như hiện nay? Hiện chưa có đủ cơ sở để trả lời, nhưng có lẽ đây là một giả thiết khá thú vị, nên đặt ra.

Những trường hợp sau cho thấy, trong tiếng Anh hiện tượng tính từ có nguồn gốc phái sinh từ danh từ, động từ và danh từ, động từ được dùng như tính từ ở mức độ khá phổ biến:

Danh từ tiếng Anh có thể làm biến tố để dùng như tính từ: về mặt cú pháp, được dùng như những biến tố, về chức năng thì như tính từ. Nó còn được gọi là *danh từ thuộc tính* hay *định danh ngữ*, ví dụ: *a car park* (danh từ *car* chỉ mang nghĩa tượng trưng). Danh từ làm biến tố thường chỉ nguồn gốc: *Virginia reel* (có nguồn gốc Virginia), chức năng: *work clothes* (quần áo đi làm), hoặc ngữ nghĩa: *man eater* (người/thú ăn thịt người). Tuy nhiên, về đại thể nó có thể chỉ gần như bất kì quan hệ ngữ nghĩa nào. Nhiều danh từ tiếng Anh cũng có thể thêm biến tố để phái sinh tính từ: *Boy - boyish* (như trẻ con); *Bird - birdlike* (giống như chim); *Fame - famous* (nổi tiếng); *Man - manly* (nam tính); hoặc làm biến tố ở hình thức danh động từ (gerund) để dùng như tính từ: *Teaching is learning* (Dạy là học).

Động từ tiếng Anh cũng được dùng như tính từ ở những hình thức khác nhau: làm biến tố ở hình thức động tính từ (participle), có thể là động tính từ quá khứ (past participle): *I am so relieved to see you* (Tôi thấy yên tâm khi thấy anh), *Broken bread on the floor* (bánh mì vụn trên sàn nhà). Có thể là động tính từ hiện tại (present participle): *That is a promising project* (Đó là một dự án đầy hứa hẹn).

Nhiều danh từ, động từ tiếng Anh làm biến tố, thêm biến tố để dùng như tính từ, để phái sinh tính từ, để cố định hóa thành tính từ trong nhiều trường hợp. Sự thật này là một cơ sở quan trọng để củng cố cho khả năng tính từ không những được đặc trưng hóa mà còn có nguồn gốc phái sinh từ danh từ và động từ.

4. Kết luận

Từ những phân tích, so sánh về ý nghĩa đặc trưng của tính từ trong tiếng Việt và tiếng Anh, có thể rút ra một số nhận xét là: 1/Tính từ đặc trưng cho tất cả các sự vật, hiện tượng, quá trình, tồn tại, hành động. Nói cách khác, tính từ là đặc trưng hóa từ danh từ và động từ; 2/Vì chỉ tồn tại ở phương diện đặc trưng nên tính từ chỉ có chức năng bổ nghĩa; 3/Đối với tiếng Việt: tính từ chính là danh từ và động từ được dùng ở phương diện đặc trưng.

Việc khu biệt hoàn toàn tính từ ở phương diện đặc trưng là thể hiện đúng bản chất của tính từ. Sự khu biệt này sẽ giải quyết triệt để sự nhầm lẫn giữa tính từ và động từ - hai từ loại có sự trùng lặp về hình thái trong tiếng Việt. Chúng tôi sẽ tiếp tục làm rõ vấn đề này trong những bài tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Văn Đức (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt* (từ loại), Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
2. Phạm Hồng Hải (2012), *Cấu trúc tham tố của tính từ tiếng Việt*, Luận văn thạc sĩ Ngôn ngữ, Trường ĐHKHXH & NV, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Cao Xuân Hạo (1998), *Tiếng Việt - mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Hiến Lê (1952), *Để hiểu văn phạm*, Nxb Phạm Văn Tươi, Sài Gòn.
5. Hoàng Phê (ed., 2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
6. Lê Kính Thắng (2009), *Phạm trù nội động/ ngoại động trong tiếng Việt (so sánh với tiếng Anh)*, Luận án tiến sĩ, ĐHSP Tp Hồ Chí Minh.
7. Givón, T. (1984), *Syntax: A functional-typological Introduction*, Vol 1 John Benjamins Publishing Company, Amsterdam, Philadelphia.
8. Oxford 3000 from the Oxford Advanced Learner's Dictionary 8th edition - <http://www.oxfordadvancedlearnersdict...>